

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐÔN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2023/HSST  
Ngày 13/02/2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN - TỈNH ĐẮK LẮK.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Định Tình

*Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Lam Điền.

- Ông Nguyễn Đình Phụng.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thủy – Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn .

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:*  
Ông Y Rin Niê Kdăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2023/HSST ngày 06 tháng 01 năm 2023; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 27/01/2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Đức N**; Giới tính: Nam; (Tên gọi khác: Đen)  
Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1996; tại tỉnh Đắk Lắk.  
Nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk  
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm nông;  
Con ông Vũ Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh – Sinh năm 1965;  
Tiền án: Có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản.  
Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 446/ HSPT, ngày 09 tháng 11 năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 (sáu) năm tù, về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự. Ngày 28/5/2020 bị cáo chấp hành xong án phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa .

2. Họ và tên: **Trần Thế P**; Giới tính: Nam; (Tên gọi khác: Nhỏ)  
Sinh ngày 07/11/1999; tại tỉnh Đắk Lắk.  
Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk  
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm nông;  
Con ông Trần Thanh H – Sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1972; Bị cáo có 02 em ruột, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa .

**Người bị hại:** Anh Chu Hồng S– sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Đình H- sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Anh Lê Văn V - sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đức N và Trần Thế P là hai đối tượng không có việc làm ổn định. Trong khoảng thời gian tháng 6/2022, N rủ P đi đến khu vực thôn 15, xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn để tìm kiếm tài sản trộm cắp thì P đồng ý tham gia cùng. Cả hai cùng đi đến thôn 15, xã Ea Bar, thì phát hiện nhà anh Chu Hồng S cửa khóa ngoài không có ai ở nhà trông coi, xung quanh thấy không có người qua lại, N và P trèo qua bờ rào để vào sân nhà anh S rồi đi ra phía cửa sau, dùng tay gạt bung cửa rồi đột nhập vào bên trong nhà tìm kiếm lấy được 01 (một) máy hàn điện và 01 (một) máy Laptop, sau khi trộm cắp được tài sản thì cùng nhau tẩu thoát. Trưa ngày hôm sau, N mang chiếc máy hàn trên đến bán cho anh Phạm Đình H với giá là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), anh H trả trước cho N số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*), 02 (hai) ngày sau anh H trả thêm cho N số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), tổng cộng anh H đã đưa cho N số tiền 1.300.000 đồng (*một triệu ba trăm ngàn đồng*) còn lại số tiền 700.000 đồng (*bảy trăm ngàn đồng*) anh H hẹn trả sau. Ngày 01/7/2022, Vũ Đức N mang chiếc Laptop trên đến cửa hàng sửa chữa điện tử Đại Long do anh Lê Văn V làm chủ, tại thôn 17A, xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn nhờ anh V cài lại hệ điều hành của máy. Đến ngày 02/7/2022, Vũ Đức N mang chiếc Laptop trên bán cho anh V với giá 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*). Tổng cộng số tiền tiêu thụ tài sản trộm cắp được là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm ngàn đồng), N đã cùng Trần Thế P sử dụng hết vào việc ăn, uống, chơi điện tử và tiêu xài cá nhân.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ: 01 máy hàn điện nhãn hiệu WinTech; 01 máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Chu Hồng S. Ngày 28/9/2022 Cơ quan CSĐT ra quyết định xử lý vật chứng đối với các tài sản này bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTS ngày 27/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Buôn Đôn xác định giá của máy hàn điện nhãn hiệu WinTech là 3.000.000 đồng; máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL là 800.000 đồng

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS, ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn truy tố các bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại các biên bản tự khai, lấy lời khai các bị cáo Vũ Đức N và bị cáo Trần Thế P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa sau khi đánh giá tính chất vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ buộc tội, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Đức N và bị cáo Trần Thế P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức N từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thế P từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại máy hàn điện nhãn hiệu WinTech, máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL cho anh Chu Hồng S là chủ sở hữu hợp pháp

Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản bị trộm cắp đã thu hồi được và trả lại cho bị hại nên bị hại không có yêu cầu về mặt dân sự, nên không đề cập.

Ông Phạm Đình H yêu cầu được bồi thường số tiền 1.300.000 đồng là khoản tiền ông Hải bị thiệt hại do nhầm lẫn trong việc mua bán tài sản 01 máy hàn điện nhãn hiệu WinTech.

Ông Lê Văn V yêu cầu được bồi thường số tiền 600.000 đồng là khoản tiền ông Vinh bị thiệt hại do nhầm lẫn trong việc mua bán tài sản 01 máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo Vũ Đức N và bị cáo Trần Thế P có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền trên cho ông Phạm Đình H và ông Lê Văn V theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, vào khoảng tháng 6/2022, tại thôn 15, xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, Vũ Đức N và Trần Thế P đã có hành vi trộm cắp 01 máy hàn điện nhãn hiệu WinTech; 01 máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL là tài sản của anh Chu Hồng S. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 3.800.000 đồng

Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Vũ Đức N và bị cáo Trần Thế P đã phạm vào tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

**Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, vị trí, vai trò và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo khác nhau. Đối với Vũ Đức N là người có vai trò chính khởi xướng, Trần Thế P là người thực hiện tích cực, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội do vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá về tính chất, mức độ, của hành vi phạm tội của từng bị cáo để áp dụng một hình phạt tương xứng mới bảo đảm tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Vũ Đức N có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngày 09/11/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự

1999. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự là đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Bị cáo Trần Thế P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội gây thiệt hại không lớn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự là đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật và thỏa đáng. Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét trong việc áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa loại tội phạm này trong xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại máy hàn điện nhãn hiệu WinTech, máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL cho anh Chu Hồng S là chủ sở hữu hợp pháp

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Đình H yêu cầu được bồi thường số tiền 1.300.000 đồng. Ông Lê Văn V yêu cầu được bồi thường số tiền 600.000 đồng do không biết và mua phải tài sản trộm cắp mà có nên yêu cầu bồi thường là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P đồng ý liên đới bồi thường các khoản tiền nêu trên. Do đó cần buộc các bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Phạm Đình H và ông Lê Văn V số tiền cụ thể như sau:

Bị cáo Vũ Đức N có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đình H số tiền 650.000 đồng và bồi thường cho ông Lê Văn V số tiền 300.000 đồng.

Bị cáo Trần Thế P có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đình H số tiền 650.000 đồng và bồi thường cho ông Lê Văn V số tiền 300.000 đồng.

[7] Về án phí hình sự: Các bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố các bị cáo Vũ Đức N và Trần Thế P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51, và điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Vũ Đức N 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thế P 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Buôn Đôn đã trả lại máy hàn điện nhãn hiệu WinTech, máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu DELL cho anh Chu Hồng S là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Đức N có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đình H số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi thường cho ông Lê Văn V số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Thế P có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đình H số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và bồi thường cho ông Lê Văn V số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Đức N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo Trần Thế P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- P. GĐKT TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Công an huyện Buôn Đôn;
- Cơ quan THAHS huyện Buôn Đôn;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

***Huỳnh Định Tình***